

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 140a/QĐ-SXD ngày 21/12/2024

của Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	
I	Số thu phí, lệ phí	0	
1	Lệ phí	0	
a	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng		
b	Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng		
2	Phí	0	
a	Phí thẩm định dự án (BCNCKT-BCKTKT)	0	
	Năm trước chuyển sang		
	Thu trong năm		
b	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán	0	
	Năm trước chuyển sang		
	Thu trong năm		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	
1	Chi sự nghiệp		
2	Chi quản lý hành chính	0	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (trong đó trích 40% tạo nguồn CCTL là 1.425.766.772đ)	0	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	
1	Lệ phí	0	
	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	0	
	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	0	
2	Phí	0	
	Phí thẩm định thiết kế cơ sở - dự án		
	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	17.691.000.000	
I	Nguồn ngân sách trong nước	17.691.000.000	
1	Chi quản lý hành chính	12.324.000.000	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.606.000.000	
a	Năm trước chuyển sang (Tiết kiệm năm 2024) - Mã nguồn 13, Mã ngành 341		
b	Giao đầu năm (lương, hoạt động, CCTL) - Mã nguồn 13, Mã ngành 341	7.606.000.000	

1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Mã nguồn 12 - Mã ngành 341)	4.718.000.000	
a	Năm trước chuyển sang		
b	Giao đầu năm	4.718.000.000	
	- KP lương HĐ chuyển sang HĐ111 theo chế độ	456.000.000	
	- KP các nhiệm vụ chuyên ngành (hoạt động pháp chế, cải cách hành chính; phục vụ cấp giấy phép xây dựng, giấy phép hoạt động xây; phục vụ công bố chỉ số giá xây dựng; phục vụ công bố giá vật liệu xây dựng; kiểm tra hoạt động chuyên ngành xây dựng; thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành khác; phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính; Chi may, sắm trang phục thanh tra; công bố đơn giá nhân công xây dựng; công bố đơn giá máy, thiết bị xây dựng; hoạt động phòng cháy, chữa cháy cơ sở; xây dựng định mức dự toán cho công tác xây dựng đặc thù đường sông; phục vụ công tác bảo vệ bí mật nhà nước; sửa chữa Trụ sở làm việc; công bố chỉ số giá xây dựng gốc)	4.262.000.000	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
5	Chi đảm bảo xã hội		
6	Chi hoạt động kinh tế	5.367.000.000	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.367.000.000	
a	Năm trước chuyển sang - Mã nguồn 12, Mã ngành 338 (KP Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DT thiểu số)		
b	Giao đầu năm	5.367.000.000	
	Mã nguồn 12, Mã ngành 332 (lập Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Sóc Trăng năm 2026 - 2030; Đề án phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030; Lập Quy hoạch Vùng Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2040, tầm nhìn 2050, lập Quy hoạch phân khu Khu vực phía Đông sông Saintard (đoạn từ cầu Saintard đến cống Cái Xe), tỷ lệ 1/2.000, Đề án nâng cấp nước sạch đô thị tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	5.367.000.000	
	Mã nguồn 12, Mã ngành 338 (KP Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DT thiểu số)		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		

8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
10	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao		
II Nguồn vốn viện trợ			
III Nguồn vay nợ nước ngoài			
IV Nguồn thu, chi khác			0
1	Chi phí sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng		0
1.1	Số thu		0
	a Năm trước chuyển sang		
	b Dự toán trong năm		
1.2	Số chi		0

